

**Bảng so sánh những thay đổi, bổ sung trong Dự thảo Điều lệ mới so với Điều lệ sửa đổi.**

**Kèm theo tờ trình số ...../2015/IBSC/TT-HĐQT**

STT	Điều, khoản, điểm	Các nội dung Điều lệ đề nghị thay đổi, bổ sung	
		Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần chứng khoán IB được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28/3/2015 tại Hà Nội. (Điều lệ hiện nay)	Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần chứng khoán IB được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28/3/2015 tại Hà Nội. (Dự thảo Điều lệ mới)
1	<b>Điều 1 khoản 1 điểm f: Giải thích thuật ngữ</b>	“ <b>Luật Doanh nghiệp</b> ” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.	“ <b>Luật Doanh nghiệp</b> ” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.
2	<b>Điều 2 khoản 4: Người đại diện theo pháp luật</b>		<b>Bổ sung:</b> Trường hợp Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật bị tạm giữ, tạm giam, trốn khỏi nơi cư trú, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị Tòa án tước quyền hành nghề hoặc sau khi miễn nhiệm mà Công ty chưa bổ nhiệm được Tổng Giám đốc mới thì đương nhiên Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến khi Hội đồng quản trị bổ nhiệm được người khác vào chức danh trên.
3	<b>Điều 12 khoản 2 điểm e: Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ</b>	Sau khi đã thay đổi vốn Điều lệ, Công ty phải công bố vốn điều lệ mới của Công ty theo quy định của pháp luật, sửa đổi khoản 1 Điều 12 của Điều lệ này phù hợp với mức vốn Điều lệ mới. Việc sửa đổi khoản 1 Điều 12 của Điều lệ này do thay đổi mức vốn Điều lệ do Hội đồng Quản trị thực hiện mà không cần thông qua Đại hội đồng cổ đông.	Sau khi đã thay đổi vốn Điều lệ, Công ty phải công bố vốn điều lệ mới của Công ty theo quy định của pháp luật, sửa đổi khoản 1 Điều 12 của Điều lệ này phù hợp với mức vốn Điều lệ mới. <b>Bổ nội dung:</b> Việc sửa đổi khoản 1 Điều 12 của Điều lệ này do thay đổi mức vốn Điều lệ do Hội đồng Quản trị thực hiện mà không cần thông qua Đại hội đồng cổ đông.
	<b>Điều 12 khoản 4: Hạn chế quyền đối với cổ đông sáng lập</b>	Cổ đông sáng lập không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, trừ trường hợp chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác trong Công ty và việc chuyển nhượng này vẫn phải đảm bảo tỷ lệ nắm giữ của	Cổ đông sáng lập không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, trừ trường hợp chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác trong Công ty và việc chuyển nhượng này vẫn phải đảm bảo tỷ lệ nắm giữ của

		các cổ đông sáng lập theo quy định của pháp luật hiện hành. Hết thời hạn trên, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ. <u>Hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập chỉ áp dụng đối với số cổ phần đã mua tại thời điểm thành lập Công ty.</u>	các cổ đông sáng lập theo quy định của pháp luật hiện hành. Hết thời hạn trên, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ. <u>Các hạn chế của quy định này không áp dụng đối với cổ phần mà cổ đông sáng lập có thêm sau khi thành lập Công ty và cổ phần mà cổ đông sáng lập chuyển nhượng cho người khác không phải là cổ đông sáng lập của công ty.</u>
	<b>Điều 12 khoản 5: Sổ đăng ký cổ đông</b>		<b>Bổ sung:</b> Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.
4	<b>Điều 15 khoản 2 điểm e: Chuyển nhượng cổ phần</b>	Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.	Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như: hưởng cổ tức, hưởng quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, hưởng quyền mua cổ phiếu mới chào bán.
5	<b>Điều 23 khoản 1: Quyền và nghĩa vụ Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Quyền và nghĩa vụ Đại hội đồng cổ đông:</b> 1. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, <u>trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Điều lệ này.</u> 2. <u>Quyết định các hợp đồng/giao dịch của Công ty có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty</u> được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. 3. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp với giá trị <u>bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty</u> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.	<b>Quyền và nghĩa vụ Đại hội đồng cổ đông:</b> 1. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; 2. <u>Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</u> 3. <u>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản</u> được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; 4. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng hoặc giao dịch với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị <u>bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty</u> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

6	<b>Điều 26 khoản 4 mục 4.1: Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b>	Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau: 1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty. 2. Báo cáo của Ban Kiểm soát về quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.	Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau: 1. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị 3. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc. 4. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên.
7	<b>Điều 27: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b>	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</u> 2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</u>	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</u> 2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</u>
8	<b>Điều 28 khoản 3: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b>	Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp. <u>Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì Đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và</u>	Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. <u>Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì Đại hội, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa</u>

		<p><u>người có số phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ toạ cuộc họp.</u></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện ít nhất <u>sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận</u>, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này.</li> <li>Đối với các quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; giao dịch mua bán tài sản có giá trị bằng hoặc trên năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất <u>bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số phiếu</u> có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự cuộc họp chấp thuận.</li> <li>Trường hợp cổ đông dự họp là người có liên quan, không có quyền biểu quyết thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về vấn đề đó được thông qua khi có <u>ít nhất 65% hoặc 75% tổng số cổ phiếu được quyền biểu quyết còn lại thông qua</u>, tương ứng theo quy định tại các điểm a và b khoản 3 Điều 104 Luật Doanh nghiệp.</li> <li>Trường hợp thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ <u>75% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận</u>. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Điều lệ này.</li> </ol>	<p><u>cuộc họp.</u></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện ít nhất <u>năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận</u>, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này.</li> <li>Đối với các quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất <u>sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu</u> có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự cuộc họp chấp thuận.</li> <li>Trường hợp cổ đông dự họp là người có liên quan, không có quyền biểu quyết thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về vấn đề đó được thông qua khi có <u>ít nhất 51% hoặc 65% tổng số cổ phiếu được quyền biểu quyết còn lại thông qua</u>, tương ứng theo quy định tại khoản 2 và khoản 1 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</li> <li>Trường hợp thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ <u>51% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận</u>. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Điều lệ này.</li> </ol>
--	--	--	---

10	<p><b>Điều 30 khoản 3: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</b> Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị,</p>	<p><b>Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</b> Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và <u>người đại diện theo pháp luật của Công ty.</u></p>
	<p><b>Điều 30 khoản 4: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.</p>	<p>Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây: (i) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. (ii) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p>
	<p><b>Điều 30 khoản 5: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</b></p>	<p>Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: ..... Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và của</p>	<p>Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: ..... Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, <u>người đại</u></p>

	<b>để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b>	người giám sát kiểm phiếu.	<u>diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</u>
11	<b>Điều 33 khoản 7: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b>		<b>Bổ sung:</b> Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số lượng quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba; b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Điều lệ này.
	<b>Điều 33 khoản 9: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b>		<b>Bổ sung:</b> Các giấy tờ, giao dịch của Công ty phải ghi rõ “thành viên độc lập” trước họ, tên của thành viên Hội đồng quản trị tương ứng. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điểm b Khoản này và đương nhiên không còn là thành viên Hội đồng quản trị độc lập kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên Hội đồng quản trị độc lập không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội đồng quản trị độc lập đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên Hội đồng quản trị độc lập có liên quan.
	<b>Điều 34 khoản 3: Quyền hạn và nhiệm vụ</b>	Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị: 1. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua việc thực hiện, sửa đổi và huỷ	Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị: 1. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua việc thực hiện, sửa đổi và huỷ

12	<b>của Hội đồng quản trị</b>	<p>bỏ các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có <u>giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng và giao dịch phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.</u></p> <p>2. Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với các cán bộ quản lý của Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng; quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó; Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quy định theo hợp đồng lao động giữa những người bị bãi nhiệm với Công ty (nếu có).</p>	<p>bỏ các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có <u>giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm o Khoản 1 Điều 23 và Khoản 3 Điều 48 Điều lệ này.</u></p> <p>2. <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị;</u> bỏ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với các cán bộ quản lý của Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng; quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó; Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quy định theo hợp đồng lao động giữa những người bị bãi nhiệm với Công ty (nếu có).</p>
13	<b>Điều 35 khoản 1: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.</b>	Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và các Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng Giám đốc của Công ty.	Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và các Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng Giám đốc của Công ty.
	<b>Điều 35 khoản 5: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.</b>	Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.	Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.
14	<b>Điều 36 khoản 3: Các cuộc họp Hội đồng quản trị</b>	Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị và không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các	Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị và không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các

	<p>vấn đề cần bàn:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý khác;</li> <li>Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;</li> <li>Đa số thành viên Ban kiểm soát.</li> </ol>	<p>vấn đề cần bàn:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý khác;</li> <li>Ít nhất hai (02) thành viên điều hành Hội đồng quản trị;</li> <li>Đa số thành viên Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập.</li> </ol>
<b>Điều 36 khoản 4: Các cuộc họp Hội đồng quản trị</b>	Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong <u>thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp</u> . Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty. Những người đề nghị tổ chức họp như quy định tại Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.	Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong <u>thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp</u> . Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty. Những người đề nghị tổ chức họp như quy định tại Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
<b>Điều 36 khoản 7: Các cuộc họp Hội đồng quản trị</b>	<b>Thông báo và chương trình họp:</b> Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị <u>ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp</u> , các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố.	<b>Thông báo và chương trình họp:</b> Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị <u>ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp</u> , các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố.
<b>Điều 36 khoản 8: Các cuộc họp Hội đồng quản trị</b>	<b>Số thành viên tham dự tối thiểu:</b> Các cuộc họp Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì <u>được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn mười lăm (15) ngày</u> , kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu	<b>Số thành viên tham dự tối thiểu:</b> Các cuộc họp Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì <u>được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày</u> , kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có



		có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
	<b>Điều 36 khoản 15: Các cuộc họp Hội đồng quản trị</b>	<b>Biên bản họp Hội đồng quản trị:</b> Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. <u>Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có những nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Trường hợp nghị quyết Hội đồng quản trị đã được thông qua theo đúng quy định của pháp luật nhưng có thành viên từ chối ký biên bản thì chữ ký xác nhận việc tham dự họp được coi là chữ ký của họ tại biên bản họp.</u>	<b>Biên bản họp Hội đồng quản trị:</b> Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. <u>Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của Chủ toạ và người ghi biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có những nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Chủ toạ và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</u>
15	<b>Điều 43 khoản 1: Thành viên Ban kiểm soát</b>	Số lượng thành viên Ban kiểm soát có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và <u>ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</u> Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. <u>Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên làm Trưởng ban.</u>	Số lượng thành viên Ban kiểm soát có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và <u>thành viên ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</u> Các thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. <u>Ban kiểm soát phải bầu một thành viên trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</u>
	<b>Điều 43 khoản 9: Thành viên</b>		<b>Bổ sung:</b> Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

	<b>Ban kiểm soát</b>		<p>a. Thành viên đó không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>
	<b>Điều 43: Thành viên Ban kiểm soát</b>	Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình và có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban Kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban Kiểm soát mới thay thế.	Lược bỏ
16	<b>Điều 44: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát</b>		<b>Bổ sung: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát:</b> Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;
	<b>Điều 44 khoản 2: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát</b>	<p><b>Quyền hưởng thù lao và các lợi ích khác:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên.</li> <li>Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</li> </ol>	<p><b>Quyền nhận thù lao hoặc tiền lương và hưởng các lợi ích khác:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thành viên Ban Kiểm soát <u>được trả tiền lương hoặc thù lao theo công việc</u> và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên.</li> <li><u>Tiền lương</u> và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</li> </ol>

17	<p><b>Điều 46 khoản 2: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b></p>	<p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.</p> <p>b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ <u>cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn điều lệ.</u></p>	<p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty như quy định tại điểm a và điểm b khoản này. <u>Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng, cụ thể:</u></p> <p>c) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.</p> <p>d) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ <u>cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ.</u></p>
	<p><b>Điều 46: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b></p>		<p><b>Bổ sung:</b> Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và các giao dịch tương ứng của họ với Công ty. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản này và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:</p> <p>a. Công ty phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;</p> <p>b. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan</p>

			<p>được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung Danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;</p> <p>c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;</p> <p>d. Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này.</p>
18	<b>Điều 48: Hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan</b>	<p>1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <u>Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu 35% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ.</u></li> <li>- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác.</li> <li>- Doanh nghiệp quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều 118 Luật Doanh nghiệp và người có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác.</li> <li>- Công ty, đối tác, hiệp hội hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý hoặc người có liên quan đến họ là thành viên.</li> </ul>	<p>1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <u>Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ.</u></li> <li>- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác.</li> <li>- Doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp và người có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác.</li> <li>- Công ty, đối tác, hiệp hội hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý hoặc người có liên quan đến họ là thành viên.</li> </ul>

	<p>2. <u>Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.</u> Trong trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật phải gửi dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch đến các thành viên Hội đồng quản trị, đồng thời niêm yết dự thảo hợp đồng tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày hợp đồng được niêm yết, thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác, ngoài các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.</p> <p>4. Khi thực hiện bỏ phiếu quyết định thực hiện các hợp đồng, giao dịch có liên quan, các thành viên Hội đồng quản trị/ Ban Tổng Giám đốc/Ban Kiểm</p>	<p>2. <u>Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.</u> Trong trường hợp này, Người đại diện ký Hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời gửi dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch đến các thành viên Hội đồng quản trị, đồng thời niêm yết dự thảo hợp đồng tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày hợp đồng được niêm yết, thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác, ngoài các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này. <u>Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó;</u> đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.</p> <p>4. Khi thực hiện bỏ phiếu quyết định thực hiện các hợp đồng, giao dịch có liên quan, các thành viên Hội đồng quản trị/ Ban Tổng Giám đốc/Ban Kiểm soát/cổ đông</p>
--	--	---

		<p>soát/cổ đông có liên quan đến các giao dịch đó sẽ không được tham gia bỏ phiếu.</p> <p>5. Các hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được sự chấp thuận theo quy định tại Điều này và các quy định pháp luật khác.</p>	<p>có liên quan đến các giao dịch đó sẽ không được tham gia bỏ phiếu.</p> <p>5. Các hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được sự chấp thuận theo quy định tại Điều này và các quy định pháp luật khác. <u>Người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.</u></p>
19	<b>Điều 68: Ngày hiệu lực</b>	Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.	<u>Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 có hiệu lực thi hành.</u>